

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v Kiện ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy;

Bà Phạm Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2024/HNGĐ-ST ngày 01/02/2024 về việc “Kiện ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh ngày 18/8/1986; địa chỉ: Thôn Hiệp Đ, xã Quảng H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ở hiện nay: Số 71m thôn Hòa B, xã Ea H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Lưu Phi T, sinh ngày 11/5/1986; địa chỉ: Thôn Hiệp Đ, xã Quảng H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ngày 28/02/2024 nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lưu Phi T là vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011 tại xã XH, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu chăm lo cho gia đình. Năm 2017 tôi đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và đến năm 2020 anh T cũng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng chúng tôi làm việc và sinh sống ở hai nơi khác nhau và không sống cùng nhau. Hiện nay, anh T vẫn sinh sống ở Đài Loan còn tôi đã về nước sinh sống. Từ năm 2017 đến nay thì tôi và anh T đã sống ly thân với nhau. Chúng tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành. Hiện nay tôi xác định chúng tôi không còn tình cảm với nhau. Do đó, tôi đề nghị Tòa án cho tôi và anh Lưu Phi T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/3/2024 đã được chứng thực tại Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, bị đơn ông Lưu Phi T trình bày:

Tôi đồng ý với quan điểm của nguyên đơn chị Trần Thị H về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị H đề nghị Tòa án cho ly hôn với tôi thì tôi đồng ý. Đồng thời, do cách trở địa lý, và bận công việc nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với ông Lưu Phi T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 09/01/2024 chị Trần Thị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Lưu Phi T; nơi cư trú hiện tại: Số 20, Đ1, đường Tr, Quận ĐN, Đài Bắc, Đài Loan. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lưu Phi T có đơn xin xét xử vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H. HĐXX thấy: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011 tại xã XH, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên năm 2017 chị H đã xuất khẩu lao động sang Đài Loan, sau đó đến năm 2020 anh T cũng xuất khẩu lao động sang Đài Loan nhưng cả anh T và chị H đều không ở gần nhau và hiện nay anh T đang sinh sống tại Đài Loan còn chị H sinh sống tại Việt Nam. Do cách trở về địa lý, cả chị H và anh T đều xác định hiện nay không còn tình cảm với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, chị H nộp đơn xin ly hôn với anh T và được anh T đồng ý. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Cần buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 212; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470; khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Về Hôn nhân: chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lưu Phi T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí do chị Trần Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0006467, ngày 29/02/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- xã XH, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh
- Dương sự;
- Công TTĐT TA
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuận